TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HC-PT
Ngày 17 tháng 01 năm 2024.
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: ÔngHoàng Thanh Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn **-** Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 532/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc "Khiếu kiệnquyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC-ST ngày28tháng 06 năm 2023của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồngbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3358/2023/QĐPT-HCngày 25tháng 12năm 2023,giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Vũ Thị Kim C, sinh năm 1941;

Địa chỉ: số E N, Phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: à Đinh Thị Kim L, sinh năm 1970 (có mặt); Vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ: Tổ C, P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5289, quyển số 73 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29-10-2020 tại Văn phòng C1);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Huỳnh Phước H(có mặt).

Địa chỉ: Số C M, phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người bị kiện:

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh L

Địa chỉ: số D T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H1, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm S, chức vụ: Phó Chủ tịch.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đ

Địa chỉ: B T, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang T, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc T1, chức vụ: Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Bá T2, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng ông Nguyễn Việt V, sinh năm 1946 và bà Võ Thị Thanh T3, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số B T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

2. Ông Nguyễn Việt V1, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số B T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Người kháng cáo:Bà Vũ Thị Kim C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện- bà Vũ Thị Kim C và người đại diện theo ủy quyền của bà C là bà Đinh Thị Kim L trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 64m^2 tại địa chỉ D T, Phường D, thành phố Đ trước đây thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T4 khai phá trước năm 1975 để trồng hoa màu (khoai lang, rau, đậu...). Do không có nhu cầu sử dụng nên vào ngày 29-8-1990 ông T4 đã chuyển nhượng lại cho bà Trương Thị S1, việc chuyển nhượng được lập giấy tay và có UBND Phường 4 xác nhận. Đến ngày 10-5-1992, bà S1 chuyển nhượng cho bà Vũ Thị Kim C với giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), việc chuyển nhượng có lập giấy tờ và được U xác nhận. Bà C đã sử dụng ổn định và đóng thuế đến năm 1998, sau đó không thấy cơ quan có thẩm quyền thu thuế nữa. Thời gian sau đó bà C rời Đ đi

làm ăn và sinh sống tại B nên chưa có điều kiện để làm giấy tờ sang tên đổi chủ nhưng thỉnh thoảng vẫn lên thành phố Đ để xem lô đất và thấy lô đất trên vẫn còn nên yên tâm là không có ai lấn chiếm.

Đến ngày 17-01-2020, bà C làm đơn gửi U xin xác nhận lô đất tại vị trí trên để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, U đã xác nhận *"bà* Vũ Thị Kim C *có sử dụng đất tại* D T, Phường D, Đ*, hiện ranh giới đất có biến động theo bản đồ mới, tại thời điểm xác nhận không có tranh chấp"*. Tuy nhiên, bà C không thể thực hiện thủ tục đăng ký cấp GCNQSDĐ được vì lô đất trên UBND tỉnh L đã cấp cho ông Nguyễn Việt V và ông Nguyễn Việt V1 theo Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V1 và Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V. Đến thời điểm này, bà C mới biết lô đất đã được cấp GCN cho người khác. Bà C đã có đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố Đ và được giải quyết bằng Văn bản số 4750/UBND ngày 19-8-2020 của UBND thành phố Đ về việc xem xét giải quyết đơn của bà Vũ Thị Kim C với nội dung không chấp nhận đơn của bà.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V1;

- Hủy Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 285303 do UBND thành phố Đ cấp ngày 24-7-2002 cho ông Nguyễn Việt V;

- Hủy Văn bản số 4750/UBND ngày 19-8-2020 của UBND thành phố Đ về việc xem xét giải quyết đơn của bà Vũ Thị Kim C.

Người bị kiện - UBND tỉnh L do người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm S trình bày:

Vị trí, diện tích đất nhà nước giao cho ông Nguyễn Việt V1 và ông Nguyễn Việt V để xây dựng nhà tình nghĩa có nguồn gốc trước đây do ông Phạm K khai phá từ trước giải phóng. Ngày 28-5-1992, ông Phạm K viết giấy chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho bà Trần Thị Thu T5 (giấy chuyển nhượng được U xác nhận ngày 21-5-1993). Sau đó bà Trần Thị Thu T5 làm thủ tục hợp thức hóa nhưng không được các cơ quan có thẩm quyền đồng ý vì lý do tại khu vực đất này, năm 1994, UBND thành phố Đ đã lập "Họa đồ phân lô quỹ đất để xây dựng nhà ở" thành 07 lô, mỗi lô diện tích chiều ngang 04m × dài 16m.

Năm 1995, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh L có công văn số 20/CV-TTHĐ ngày 06-7-1995 và UBND tỉnh có công văn số 902/CV-UB ngày 14-7-1995 đồng ý chủ trương cấp đất để xây dựng nhà tình nghĩa cho thương binh nặng Nguyễn Việt V1 và cấp đất cho một số đối tượng thuộc diện chính sách khác trong đó có hộ ông Nguyễn Việt V1, ông Nguyễn Việt V.

Trên cơ sở các văn bản trên, Sở Địa chính (nay là Sở T9) có Tờ trình số 443/CV-ĐC ngày 03-8-1995 và Công văn số 468/CV-ĐC ngày 12-8-1995 đề nghị UBND tỉnh giao đất xây dựng nhà ở tại đường T, Phường D, Đ cho các hộ dân. UBND tỉnh L đã chấp thuận giao đất cho 04 hộ dân sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở cụ thể như sau:

- Lô số 1: giao cho bà Trần Thị Thu T5 (người nhận chuyển nhượng từ ông Phạm K; diện tích 64m^2;

- Lô số 2: giao cho ông Nguyễn Thanh L1; diện tích 64m^2;

- Lô số 3: giao cho ông Nguyễn Việt V (theo Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà ở tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V); diện tích 64m^2;

- Lô số 4: giao cho ông Nguyễn Việt V1 (theo Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V1); diện tích 64m^2.

Căn cứ pháp lý để ban hành quyết định: Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21-6-1994 (sửa đổi); Luật đất đai ngày 14-7-1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 02-12-1998; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 29-6-2001; Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000 của Chính phủ thi hành Luật sửa đổi bổ sung Luật đất đai và Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28-9-2001 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000.

Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà ở tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V và Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V1.

Người bị kiện - UBND thành phố Đ người đại diện theo ủy quyền là ôngVõ Ngọc T6 bày:

Năm 1995, UBND tỉnh L có chủ trương cấp đất để xây dựng nhà tình nghĩa thương binh nặng Nguyễn Việt V1 và cấp đất cho một số đối tượng thuộc diện chính sách khác.

Ngày 03-8-1995, Sở Địa chính có tờ trình số 443/CV-ĐC đề xuất giải quyết quỹ đất tại D T cấp cho các hộ và được UBND tỉnh L đồng ý ban hành các quyết định giao đất cho các hộ. Theo thứ tự các lô tại bản họa đồ phân lô quỹ đất xây dựng nhà ở: lô số 1 giao cho hộ bà Trần Thị Thu T5; lô số 2 giao cho ông Nguyễn Thanh L1; lô số 3 giao cho ông Nguyễn Việt V; lô số 4 giao cho ông Nguyễn Việt V1; lô số 5 giao cho ông Võ Văn H2.

Đối với lô số 3, 4 của ông Nguyễn Việt V, Nguyễn Việt V1, Sở Địa chính đã làm thủ tục lập biên bản cắm mốc giao đất. Ngày 24-7-2002, UBND thành phố Đ đã cấp GCNQSDĐ số T 285303 cho ông Nguyễn Việt V. Riêng ông Nguyễn Việt V1 do có đơn kiến nghị về việc bị lấn chiếm đất từ năm 2001 đến nay, do đó ông Nguyễn Việt V1 chưa được cấp GCNQSDĐ tại vị trí đất được giao.

Việc UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ số T 285303 cho ông Nguyễn Việt V đúng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 60-CP ngày 05-7-1994 của Chính phủ về quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị:

"Điều 10. Giấy chứng nhận quyền sử hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại nội thành, nội thị xã, thị trấn được xét cấp như sau:

1. Trong trường hợp chủ nhà có các giấy tờ hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền N Việt Nam*, hoặc Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam Cấp, thì chủ nhà được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử đụng đất ở".*

Đối với các giấy tờ do gia đình bà Vũ Thị Kim C cung cấp gồm Biên lai thuế số $N^0$000836 ngày 09-9-1994 ghi địa chỉ 25 T; Biên lai thuế số $N^0$000837 ngày 09-9-1994 ghi địa chỉ 25 T; Biên lai thuế số $N^0$007021 ngày 11-9-1998 ghi địa chỉ B T (nộp thuế cho các năm 1995, 1996, 1997, 1998). Tuy nhiên, vị trí đất mà ông Nguyễn Việt V và Nguyễn Việt V1 được cấp có địa chỉ là D T. Tại giấy mua bán của bà Vũ Thị Kim C cũng không thể hiện vị trí lô đất bà nhận chuyển nhượng có thuộc vị trí lô đất của ông Nguyễn Việt V, Nguyễn Việt V1 hay không.

Theo U thì Đơn xác nhận về việc có đất tại vị trí D T, Phường D, có xác nhận của UBND Phường 4 ngày 17-01-2020 của bà Vũ Thị Kim C được U xác nhận căn cứ theo hóa đơn thuế và giấy tờ chuyển nhượng của bà C. Theo sổ mục

kê lưu tại Phường D thì vị trí lô đất trên do ông Nguyễn Việt V và ông Nguyễn Việt V1 kê khai đăng ký.

Do đó, việc bà Vũ Thị Kim C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 285303 do UBND thành phố Đ cấp ngày 24-7-2002 cho ông Nguyễn Việt V và Văn bản số 4750/UBND ngày 19-8-2020 của UBND thành phố Đ về việc xem xét giải quyết đơn của bà Vũ Thị Kim C là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Việt V, bà Võ Thị Thu T7, ông Nguyễn Việt V1 trình bày:

Ông Nguyễn Việt V và ông Nguyễn Việt V1 được UBND tỉnh L cấp đất tại lô số 3, số D tại địa chỉ D T, Phường D, thành phố Đ theo Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà ở tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V và Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V1. Sau khi nhận bàn giao lô đất trên thì ông Nguyễn Việt V đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 285303 do UBND thành phố Đ cấp ngày 24-7-2002 và ông quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1996 cho đến nay, không tranh chấp với ai. Riêng đất của ông Nguyễn Việt V1 do có khiếu nại liên quan đến việc vợ chông ông Đ bà H3 lấn chiếm đất nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim C thì các ông bà không đồng ý vì việc ông V, ông V1 được cấp đất đúng theo chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; không tổ chức phiên đối thoại được.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự vẫn giữ nguyện nội dung yêu cầu, trình bày như trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng việc UBND tỉnh L và UBND thành phố Đ cấp quyền sử dụng đất cho ông V ông V1 trong khi đất có tranh chấp là không đúng quy định của pháp luật; trước khi ra quyết đất cấp đất thì phải có quyết định thu hồi đất và bồi thường theo quy định; có căn cứ xác định nguồn gốc đất là của bà C nhận chuyển nhượng từ bà Trương Thị S1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông V bà T7 cho rằng bà C khởi kiện là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC-ST ngày28tháng 06 năm 2023, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; khoản 1 Điều 158;Điều 164; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 358; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21-6-1994 (sửa đổi); Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 02-12-1998; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 29-6-2001;

Căn cứ Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000 của Chính phủ thi hành Luật sửa đổi bổ sung Luật đất đai; Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28-9-2001 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000; Nghị định số 60-CP ngày 05-7-1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại đô thị;

Căn cứ Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31-10-2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim C *về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai" đối với yêu cầu hủy:*

- Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L *về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại* thành phố Đ *cho ông* Nguyễn Việt V1*;*

- Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L *về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại* thành phố Đ *cho ông* Nguyễn Việt V*;*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 285303 do UBND thành phố Đ *cấp ngày 24-7-2002 cho ông* Nguyễn Việt V*;*

- Văn bản số 4750/UBND ngày 19-8-2020 của UBND thành phố Đ *về việc xem xét giải quyết đơn của bà* Vũ Thị Kim C.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Vũ Thị Kim C *phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 3.485.000 đồng (bà* Vũ Thị Kim C *đã nộp và quyết toán xong).*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày05/07/2023,bà Vũ Thị Kim C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Đinh Thị Kim L đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Toà án phúc thẩm xem xét lại toàn bộ tài liệu, chứng cứ của vụ án và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị Kim C.

Luật sư Huỳnh Phước H trình bày:Bản án sơ thẩm xét xử nhưng không làm rõ nhiều nội dung. Thứ nhất, về nguồn gốc sử dụng đất giữa bà C mua của bà S1 đã lập giấy ngày 10 tháng 05 năm 1992 và được Ủy ban nhân dân phường Uthành phố Đ xác nhận. Giấy của bà T7 lập vào ngày 28 tháng 05 năm 1992, như vậy quá trình chuyển nhượng là bà C nhận trước, đối với giấy tay mua bán cũng được Uỷ ban nhân dân phường xác nhận. Ủy ban hoàn toàn đã có thông tin về việc mua bán và sau đó Ủy ban đã ra phiếu thu tiền sử dụng đất. Trong bản án sơ thẩm có làm rõ, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh bà T7 sử dụng hay đóng thuế đất. Các Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 và Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 tôi cho là không phù hợp khi vi phạm quy định pháp luật đất đai năm 1993. Tại Điều 28 Luật Đất đai năm 1993 đối với thu hồi đất mà không căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch mà đến nay đất vẫn chưa đưa vào sử dụng, thế nên các quyết định trên là không còn hiệu lực. Các Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 và Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 gây ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp bà C, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện - bà Vũ Thị Kim C.

Luật sư và Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Vũ Thị Kim C là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện của người khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Vũ Thị Kim C:

[2.1.1] Xét vị trí, diện tích khu đất liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 285303 do UBND thành phố Đ cấp ngày 24-7-2002 cho ông Nguyễn Việt V (BL 76) thể hiện họa đồ tổng thể của 04 lô đất có tứ cận: Tây giáp mặt đường Trần P, Bắc giáp nhà ông Trương A, Đông giáp đất trống, Nam giáp đất trống. Đối chiếu với họa đồ phân lô quỹ đất xây dựng nhà ở ngày 20-4-1994 (BL 67) thể hiện lô đất có tứ cận: Tây giáp đường T, Đông giáp đất trống, Nam giáp đất trống, Bắc giáp đất nhà ông Trương A, tiếp giáp nhà ông Trương A theo hướng B là nhà ông Võ Thanh T8, tiếp theo nhà ông T8 là nhà ông Võ Tấn H4.

Theo biên bản và họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17-5-2021(BL 127, 134) thì lô đất mà bà Đinh Thị Kim L (người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Kim C) chỉ dẫn đo đạc có tứ cận: Tây giáp mặt đường Trần P; Nam giáp nhà ông Nguyễn Trường Đ1, bà Chu Thị H5 (tương ứng lô số 5); Bắc giáp đất ông Tăng Quang V2 (tương ứng lô số 1); Đông giáp nhà ông Nguyễn Trường Đ1 bà Chu Thị H5. Vị trí lô đất này có tổng diện tích 146,6m2 và trùng khớp với lô đất số 3, số 4 được cấp cho ông Nguyễn Việt V, Nguyễn Việt V1 theo Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 và Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L.

Tuy nhiên, theo Giấy sang nhượng đất lập ngày 10-5-1992 giữa bà Vũ Thị Kim C và bà Trương Thị S1 (có xác nhận của UBND phường U) mà bà C đưa ra để chứng minh cho việc 02 khu đất ông V1, ông V được giao thuộc khu đất của bà C nhận chuyển nhượng của bà S1 lại có diện tích 64m2 (8mx8m) và có tứ cận: Đông giáp vườn trống, Nam giáp vườn trống, B giáp mặt đường Trần P, Tây giáp tường nhà ông H4. Như vậy, vị trí đất mà bà C cho rằng nhận chuyển nhượng của bà S1 khác với vị trí đất mà ông V, ông V1 đang sử dụng cả về vị trí cũng như và diện tích.

[2.1.2] Xét nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện:

Khu đất tại địa chỉ số D T, Phường D, thành phố Đ có nguồn gốc do ông Phạm K khai phá từ trước năm 1975. Ngày 28-5-1992, ông Phạm K viết giấy chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho bà Trần Thị Thu T5, được U xác nhận ngày 21-5-1993, tại thời điểm này khu đất có địa chỉ D T, Phường D, thành phố Đ. Sau đó bà Trần Thị Thu T5 làm thủ tục hợp thức hóa nhưng không được các cơ quan có thẩm quyền đồng ý vì lý do tại khu vực đất này vào năm 1994 UBND thành phố Đ đã lập "Họa đồ phân lô quỹ đất để xây dựng nhà ở" thành 07 lô, mỗi lô diện tích chiều ngang 04m × dài 16m.

Năm 1995, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh L có công văn số 20/CV-TTHĐ ngày 06-7-1995 và UBND tỉnh L có công văn số 902/CV-UB ngày 14-7-1995 đồng ý chủ trương cấp đất để xây dựng nhà tình nghĩa cho thương binh nặng Nguyễn Việt V1 và cấp đất cho một số đối tượng thuộc diện chính sách khác trong đó có hộ ông Nguyễn Việt V1, ông Nguyễn Việt V.

Trên cơ sở các văn bản trên, Sở Địa chính (Nay là Sở T9) có Tờ trình số 443/CV-ĐC ngày 03-8-1995 và Công văn số 468/CV-ĐC ngày 12-8-1995 đề nghị UBND tỉnh L giao đất xây dựng nhà ở tại địa chỉ D T, Phường D, Đ cho 04 hộ dân sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở cụ thể như sau: Lô số 1 giao cho bà Trần Thị Thu T5, lô số 2 giao cho ông Nguyễn Thanh L1, lô số 3 giao cho ông Nguyễn Việt V, lô số 4 giao cho ông Nguyễn Việt V1. Sau khi được giao đất, các hộ đã quản lý sử dụng đất ổn định từ năm 1996 cho đến nay. Đối với lô số 3, 4 của ông Nguyễn Việt V, Nguyễn Việt V1, Sở Địa chính đã làm thủ tục lập biên bản cắm mốc giao đất. Ngày 24-7-2002, UBND thành phố Đ đã cấp GCNQSDĐ số T285303 cho ông Nguyễn Việt V. Riêng ông Nguyễn Việt V1 do có đơn kiến nghị về việc bị lấn chiếm đất từ năm 2001 đến nay, do đó ông Nguyễn Việt V1 chưa được cấp GCNQSDĐ tại vị trí đất được giao.

Năm 2013, UBND thành phố Đ thực hiện cấp số nhà mới tại vị trí đường T. Theo đó, số nhà 44 được cấp cho ông Nguyễn Trường Đ1 theo quyết định số

4499/UBND-CN ngày 16-7-2013 của UBND thành phố Đ; vị trí đất mà bà Đinh Thị Kim L (người đại diện của bà Vũ Thị Kim C) chỉ dẫn đo đạc là vị trí được cấp số nhà 46 cho ông Nguyễn Việt V1 và số 48 cho ông Nguyễn Việt V.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C là bà L cho rằng diện tích đất tranh chấp do bà C quản lý sử dụng từ năm đến năm 2000 thì về B sinh sống, thỉnh thoảng bà vẫn đi lại coi ngó đất nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác bà C cho rằng nhận chuyển nhường đất từ năm 1992, nhưng từ đó đến nay bà C không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất nêu trên với chính quyền địa phương nên không đủ cơ sở xác định khu đất tranh chấp là do bà C nhận chuyển nhượng của bà S1 và bà C có quá trình sử dụng đất này.

Đối với các biên lai nộp thuế do bà L cung cấp để làm chứng cứ chứng minh, nhưng các biên lai này thể hiện địa chỉ khu đất bà chi nộp thuế lúc thì ở số B đường T, lúc thì tại số D đường T.

Đối với Đơn có xác nhậncủa UBND Phường 4ngày 17-01-2020về nội dung bà C có đất tại vị trí D T, Phường D, nhưng U xác định việc xác nhận là căn cứ theo hóa đơn thuế và giấy tờ chuyển nhượng của bà C trình ra. Hơn nữa, theo sổ mục kê lưu tại Phường D thì vị trí lô đất nêu trên đã do ông Nguyễn Việt V và ông Nguyễn Việt V1 kê khai đăng ký, nên việc xác nhận này là không đúng với thực tế.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ của ông Nguyễn T4, bà Trương Thị S1 nhưng bà L trình bày không biết nhưng người này còn sống hay đã chết và hiện nay ở đâu nên Tòa án không thể tiến hành xác minh làm rõ tính trung thực, tính khách quan đối với lời trình bày của bà C.

Đối với các tài sản trên khu đất tranh chấp, tại Biên bản xác minh ngày 06-6-2023, bà Chu Thị H5 trình bày: bà H5 sử dụng đất giáp ranh với khu đất tranh chấp cách đây khoảng trên 20 năm nhưng bà H5 không biết bà C là ai, không thấy bà C sử dụng đất bao giờ, chỉ có ông Nguyễn Việt V sử dụng đất và tranh chấp về ranh giới đất với bà H5, nhưng sự việc đã được giải quyết xong. Do đất của ông V chưa sử dụng nên bà H5 có nói với ông V để cho bà H5 nhờ làm chuồng nuôi gà khi nào ông sử dụng thì bà sẽ tự tháo dỡ trả lại đất cho ông V. Cách đây khoảng 2 năm có người tự xưng là cháu bà tên C đến định dựng nhà gỗ trên đất của ông V nhưng bà H5 không đồng ý và báo lên phường 4 nên không dựng nhà được. Như vậy, tài sản nêu trên tại khu đất này là của bà H5 chứ không phải của bà C.

[2.1.3] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị kiện:

Theo công văn số 20/CV-TTHĐ ngày 06-7-1995 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh L và công văn số 902/CV-UB ngày 14-7-1995 củaUBND tỉnh L về việc đồng ý chủ trương cấp đất để xây dựng nhà tình nghĩa cho thương binh nặng và đối tượng thuộc diện chính sách khác trong đó có hộ ông Nguyễn Việt V1, ông Nguyễn Việt V. Trên cơ sở các văn bản trên, Sở Địa chính (nay là Sở T9) có Tờ trình số 443/CV-ĐC ngày 03-8-1995 và Công văn số 468/CV-ĐC ngày 12-8-1995 đề nghị UBND tỉnh giao đất xây dựng nhà ở tại đường T, Phường D, Đ cho các hộ dân. UBND tỉnh L đã chấp thuận giao đất cho 04 hộ dân sử dụng vào mục đích xây dựng và ban hành Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà ở tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V; Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V1. Như vậy, Quyết định số 35/QĐ-UB và số 22/QĐ-UB nêu trên được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Ngày 30-5-1996, Sở địa chính đã làm thủ tục lập biên bản cắm mốc giao đất và ngày 28-8-1997 UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 1272/QĐ-UB về việc hỗ trợ 100% tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Việt V1. Ngày 24-7-2002, UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T285303 cho ông Nguyễn Việt V. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T285303 cho ông Nguyễn Việt V nêu trên đúng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 60-CP ngày 05-7-1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại đô thị.

Ngày 10-3-2020, bà Vũ Thị Kim C có đơn kiến nghị UBND thành phố Đ, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ, nội dung đề nghị kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ số T285303 cấp ngày 24-7-2002 cho ông Nguyễn Việt V có đúng quy định và đúng đối tượng hay không và đề nghị thu hồi GCNQSD đất số T285303 nêu trên vì cấp trên phần đất của bà C đang sử dụng. Sau khi nhận được đơn kiến nghị, UBND thành phố Đ đã có Văn bản số 1611/UBND-ĐC ngày 31-3-2020 gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ và U phối hợp kiểm tra rà soát các hồ sơ có liên quan và đối chiếu các quy định hiện hành để tham mưu, đề xuất giải quyết đơn. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ đã lập biên bản làm việc với bà Vũ Thị Kim C ngày 09-7-2020 để tiến hành xác minh đơn kiến nghị. Căn cứ Báo cáo số 756/BC-TNMT ngày 21-7-2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, UBND thành phố Đ đã ban hành Văn bản số 4750/UBND ngày 19-8-2020 về

việc giải quyết đơn của bà Vũ Thị Kim C với nội dung không có cơ sở để xem xét đề nghị của bà Vũ Thị Kim C. Việc ban hành Văn bản số 4750/UBND đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục, trình tự, thẩm quyền theo quy định pháp luật tại Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và Luật đất đai ngày 14-7-1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 02-12-1998; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 29-6-2001; Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000 của Chính phủ thi hành Luật sửa đổi bổ sung Luật đất đai và Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28-9-2001 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000.

[2.1.4] Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim C về yêu cầu hủy Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V1; Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 285303 do UBND thành phố Đ cấp ngày 24-7-2002 cho ông Nguyễn Việt V; Văn bản số 4750/UBND ngày 19-8-2020 của UBND thành phố Đ về việc xem xét giải quyết đơn của bà Vũ Thị Kim C là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Vũ Thị Kim C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21-6-1994 (sửa đổi); Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 02-12-1998; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 29-6-2001;

Căn cứ Nghị định 04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000 của Chính phủ thi hành Luật sửa đổi bổ sung Luật đất đai; Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28-9-2001 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số

04/2000/NĐ-CP ngày 11-02-2000; Nghị định số 60-CP ngày 05-7-1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại đô thị;

Căn cứ Thông tư 07/2014/TT-TTCP ngày 31-10-2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện bà Vũ Thị Kim C; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2023/HC- ST ngày 28/06/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim C về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai" đối với yêu cầu hủy:

2.1. Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 12-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V1;

2.2. Quyết định số 35/QĐ-UB ngày 24-01-1996 của UBND tỉnh L về việc giao đất xây dựng nhà tình nghĩa tại thành phố Đ cho ông Nguyễn Việt V;

2.3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 285303 do UBND thành phố Đ cấp ngày 24-7-2002 cho ông Nguyễn Việt V;

2.4. Văn bản số 4750/UBND ngày 19-8-2020 của UBND thành phố Đ về việc xem xét giải quyết đơn của bà Vũ Thị Kim C.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Vũ Thị Kim C phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền 3.485.000 đồng, bà Vũ Thị Kim C đã nộp tạm ứng và quyết toán xong.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Vũ Thị Kim C được miễn.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TANDtỉnh Lâm Đồng; (1)
- VKSND tỉnh Lâm Đồng; (1)
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (2)
- NCQLNVLQ; (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu VT (5), HS (2) (BA- LMA).

Vũ Ngọc Huynh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh DũngNguyễn Văn Minh **Vũ Ngọc Huynh**